

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI NGỮ VĂN 7 CHUYÊN SÂU

CHUYÊN ĐỀ 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN THƯỜNG GẶP TRONG KỲ THI HỌC SINH GIỎI NGỮ VĂN

I. TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Khái niệm

Tác phẩm văn học là một công trình nghệ thuật ngôn từ, đó là kết quả của một quá trình sáng tạo, lao động trí óc miệt mài của tác giả. Một tác phẩm văn học có thể là sản phẩm của một cá nhân hoặc một tập thể cùng nhau sáng tạo ra. Những người sáng tác tác phẩm văn học sẽ được gọi là nhà văn.

Nội dung của các tác phẩm văn học thông thường sẽ mô phỏng về hiện thực cuộc sống đời thường. Cũng có khi đó là sản phẩm của sự sáng tạo, trí tưởng tượng về một thế giới không thực mà do chính tác giả muốn tạo nên. Những nhân vật trong tác phẩm văn học có thể lấy cảm hứng từ nhân vật có thật, hoặc chỉ là nhân vật hư cấu của tác giả.

2. Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học

Nội dung tác phẩm là hiện thực cuộc sống được phản ánh trong sự cảm nhận, suy ngẫm và đánh giá của nhà văn. Đó là một hệ thống gồm nhiều yếu tố khách quan và chủ quan xuyên thấm vào nhau. Trước hết, tác phẩm văn học cung cấp cho người đọc những biểu hiện phong phú, nhiều vẻ và độc đáo của đời sống mà tính loại hình của chúng tạo thành đề tài của tác phẩm. Vấn đề quan trọng nhất nổi lên từ đề tài, buộc tác giả phải bày tỏ thái độ, có ý kiến đánh giá là chủ đề. Ý kiến của tác giả trước vấn đề được nêu ra trong tác phẩm là tư tưởng. Thái độ đánh giá, nhiệt tình bảo vệ tư tưởng tạo nên cảm hứng chủ đạo hay cảm hứng tư tưởng. Quan niệm về thế giới và con người được dùng làm hệ quy chiếu để tác giả xác định đề tài, chủ đề, lý giải thế giới của tác phẩm có cội nguồn sâu xa trong thế giới quan. Cuối cùng, tương quan giữa sự biểu hiện của đời sống và sự cảm thụ chủ quan tạo nên nội dung thẩm mỹ của hình tượng. Nội dung tác phẩm là kết quả khám phá, phát hiện khái quát của nhà văn. Sự lược quy nội dung này vào các phạm trù xã hội học sẽ làm nghèo nàn nội dung tác phẩm.

a. Các khái niệm về nội dung của tác phẩm văn học

- Đề tài là lãnh vực đời sống được nhà văn nhận thức, lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản. Việc lựa chọn đề tài bước đầu bộc lộ khuynh hướng và ý đồ sáng tác của tác giả.

- Chủ đề là vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản.

+ Chủ đề thể hiện điều quan tâm cũng như chiều sâu nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống.

+ Tầm quan trọng của chủ đề không phụ thuộc vào khuôn khổ văn bản, cũng không phụ thuộc vào việc chọn đề tài. Có những văn bản rất ngắn nhưng chủ đề đặt ra lại lớn lao (ví dụ bài Sông núi nước Nam của Lí Thường Kiệt chỉ có 28 chữ nhưng là bản tuyên ngôn khẳng định chủ quyền).

+ Mỗi văn bản có thể có một hoặc nhiều chủ đề tùy quy mô, ý định của tác giả.

- Tư tưởng của văn bản là sự lí giải đối với chủ đề đã nêu lên, là nhận thức của tác giả muốn trao đổi, nhắn gửi, đối thoại với người đọc. Tư tưởng là linh hồn của văn bản văn học.

- Cảm hứng nghệ thuật là nội dung tình cảm chủ đạo của văn bản. Những trạng thái tâm hồn, những cảm xúc được thể hiện đậm đà, nhuần nhuyễn trong văn bản sẽ truyền cảm và hấp dẫn người đọc. Qua cảm hứng nghệ thuật, người đọc cảm nhận được tư tưởng, tình cảm của tác giả nêu trong văn bản.

b. Các khái niệm thuộc về hình thức của tác phẩm văn học

- Ngôn từ là yếu tố đầu tiên, là vật liệu, công cụ, lớp vỏ đầu tiên của tác phẩm văn học. Ngôn từ hiện diện trong từ ngữ, câu đoạn, hình ảnh, giọng điệu của văn bản được nhà văn chọn lọc hàm súc, đa nghĩa... mang dấu ấn của tác giả.

- Kết cấu là sự sắp xếp tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị thống nhất chặt chẽ, hoàn chỉnh, có ý nghĩa.

+ Kết cấu hàm chứa dụng ý của tác giả sao cho phù hợp với nội dung văn bản.

+ Có nhiều cách kết cấu như kết cấu hoành tráng của sử thi, đầy yếu tố bất ngờ của truyện trinh thám, kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tùy bút, tạp văn...

- Thể loại là những quy tắc tổ chức hình thức văn bản phù hợp với nội dung văn bản, hoặc có chất thơ, tiểu thuyết, kịch... thể loại có cải biến, đổi mới theo thời đại và mang sắc thái riêng của tác giả.

- Cần lưu ý, không có hình thức nào là "hình thức thuần túy" mà hình thức bao giờ cũng "mang tính nội dung". Vì vậy, trong quá trình tìm hiểu và phân tích tác phẩm, cần chú ý mối quan hệ hữu cơ, logic giữa hai mặt nội dung và hình thức của một tác phẩm một cách thống nhất, toàn vẹn.

3. Ý nghĩa quan trọng của nội dung và hình thức của tác phẩm văn học

- Nội dung có giá trị là nội dung mang tư tưởng nhân văn sâu sắc, hướng con người tới chân - thiện - mỹ và tự do dân chủ.

- Hình thức có giá trị là hình thức phù hợp với nội dung, hình thức cần mới mẻ, hấp dẫn, có giá trị cao.

- Nội dung và hình thức không thể tách rời mà thống nhất chặt chẽ trong tác phẩm văn học, nội dung tư tưởng cao đẹp biểu hiện trong hình thức hoàn mỹ.

II. BẢN CHẤT CỦA VĂN HỌC

1. Văn chương bao giờ cũng phải bắt nguồn từ cuộc sống.

Grandi từng khẳng định: “Không có nghệ thuật nào là không hiện thực”. Cuộc sống là nơi bắt đầu và là nơi đi tới của văn chương. Hơn bất cứ một loại hình nghệ thuật nào, văn học gắn chặt với hiện thực cuộc sống và hút mật ngọt từ nguồn sống dồi dào đó. Ai đó đã từng ví văn học và cuộc sống như thần Ăng-Tê và Đất Mẹ. Thần trở nên vô địch khi đặt hai chân lên Đất Mẹ cũng như văn học chỉ cường tráng và dũng mãnh khi gắn liền với hiện thực đời sống. Đầu tiên và trên hết, văn chương đòi hỏi tác phẩm nghệ thuật chất hiện thực.

Hiện thực xã hội là mảnh đất sống của văn chương, là chất mật làm nên tính chân thực, tính tự nhiên, tính đúng đắn, tính thực tế của tác phẩm văn học. Một tác phẩm có giá trị hiện thực bao giờ cũng giúp người ta nhận thức được tính quy luật của hiện thực và chân lý đời sống.

Những tác phẩm kinh điển bao giờ chờ đi được những tư tưởng lớn của thời đại trên đôi cánh của hiện thực cuộc sống. Cánh diều văn học dù bay cao bay xa đến đâu vẫn gắn với mảnh đất cuộc sống bằng sợi dây hiện thực mỏng manh mà vô cùng bền chắc. “Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp người lầm than”, “Nó ca ngợi tình thương, lòng bác ái, sự công bình, nó làm người gần người hơn” (Nam Cao)

Văn chương của người nghệ sĩ sẽ có gì nếu nó không mang dáng dấp cuộc đời? Có chăng chỉ là những dòng chữ rời rạc bị bẻ vụn mà thôi. Song có phải người nghệ sĩ phản ánh toàn bộ những biến đổi, những sự việc của nhân tình thế thái vào tác phẩm thì tác phẩm sẽ trở thành kiệt tác? Thành tác phẩm chân chính giữa cuộc đời? “Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng hét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó” (Belinxky).

2. Văn chương cần phải có sự sáng tạo.

Sáng tạo là quy luật đặc thù của văn học, là điều kiện tiên quyết của văn học. Theo Tề Bạch Thạch: “Nghệ thuật vừa giống vừa không giống với cuộc đời. Nếu hoàn toàn giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật mị đời. Còn nếu hoàn toàn không giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật dối đời”. “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình” (Nam Cao)

Nghệ thuật thường vừa hư vừa thực, vừa hiện thực vừa lãng mạn, vừa bình thường vừa phi thường. Mỗi tác phẩm văn học, mỗi nhân vật, mỗi câu chữ trong tác phẩm phải tạo được sự bất ngờ, lý thú đối với người đọc.

Tác phẩm văn học là tấm gương soi chiếu hiện thực cuộc sống nhưng phải qua lăng kính chủ quan của nhà văn. Chính vì vậy, hiện thực trong tác phẩm còn thực hơn hiện thực ngoài đời sống vì nó đã được nhào nặn qua bàn tay nghệ thuật của người nghệ sĩ, được thổi vào đó không chỉ hơi thở của thời đại mà cả sức sống tư tưởng và tâm hồn người viết. Hiện thực đời

sống không phải chỉ là những hiện tượng, những sự kiện nằm thẳng đờ trên trang giấy mà phải hòa tan vào trong câu chữ, trở thành máu thịt của tác phẩm. Chất hiện thực làm nên sức sống cho tác phẩm và chính tài năng người nghệ sĩ đã bắt tử hóa sức sống ấy.

Ví dụ: Cùng viết về số phận, cảnh người nông dân trước cách mạng tháng Tám nhưng Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Kim Lân, Nam Cao,.., đều có những cách nhìn, cách khám phá khác nhau:

- Ngô Tất Tố đi sâu vào phản ánh nỗi thống khổ của những người nông dân nghèo trước nạn sưu thuế.
- Nguyễn Công Hoan khai thác nạn cướp ruộng đất.
- Vũ Trọng Phụng nhìn thấy nỗi khổ của người dân bởi nạn vỡ đê.
- Kim Lân đau đớn trước thảm cảnh nạn đói 1945 – hậu quả của chế độ thực dân phát xít.
- Nam Cao – sâu sắc và lạnh lùng khi khám phá ra con đường tha hóa về nhân hình In nhân tính của người nông dân. Tác phẩm của Nam Cao là tiếng chuông: hãy cứu lấy con người. Nam Cao là nhà văn có cái nhìn sắc bén về hiện thực xã hội.

Trong sáng tạo văn học, nhà văn luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi văn học không chỉ phản ánh đời sống mà còn biểu hiện thế giới quan của nhà văn: “Văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Tất cả những gì hiện diện trong sáng tác của nhà văn dường như đều được lọc qua lăng kính chủ quan của họ”.

III. CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC

Có rất nhiều tiêu chí phân biệt sự khác nhau giữa văn học và các môn khoa học khác. Nhưng có lẽ M. Gorki đã từng nói rất đúng đặc thù của bộ môn: “Văn học là nhân học”. Văn học là khoa học, khám phá thế giới tâm hồn, tính cách con người, văn học có chức năng riêng, biểu hiện trên ba mặt chính : nhận thức – giáo dục – thẩm mỹ

1. Chức năng nhận thức

Văn học có chức năng khám phá những quy luật khách quan của đời sống xã hội và đời sống tâm hồn của con người. Nó có khả năng đáp ứng nhu

cầu của con người muốn hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình. Không phải ngẫu nhiên đã có người cho rằng: “Văn học là cuốn sách giáo khoa của đời sống”. Chính cuốn sách ấy đã thể hiện một cách tinh tế và sắc sảo từng đổi thay, từng bước vận động của xã hội. Nó tựa như “chiếc chìa khoá vàng mở ra muôn cánh cửa bí ẩn, đưa con người tới ngưỡng cửa mới của sự hiểu biết thế giới xung quanh.

Văn học giúp phản ánh hiện thực để đem lại những kiến thức mệnh mông về đời sống vật chất lẫn tinh thần của con người. Bởi thế mà có người cho rằng văn học chẳng khác gì bách khoa toàn thư của cuộc sống. Ta từng thấy Ăng-ghe-nhận xét khi đọc về tiểu thuyết của Ban-zắc – đó là giúp người đọc hiểu hơn về xã hội của nước Pháp.

Bên cạnh đó, chức năng nhận thức của văn học còn thể hiện ở việc giúp người đọc hiểu được bản chất của con người nói chung và tự nhận thức về bản thân mình. Những câu hỏi về sự tự nhận thức bản thân cũng được văn học giải đáp một cách chi tiết nhất.

2. Chức năng giáo dục

Nghệ thuật là hình thái đặc trưng, hình thành từ những tìm tòi, khám phá của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống. Nghệ thuật mang đến cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về xã hội, thể hiện những quan điểm của người nghệ sĩ, từ đó tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận.

Chính vì vậy, nghệ thuật luôn ẩn chứa sứ mệnh cao cả và thiêng liêng, góp phần làm đẹp cho cuộc đời. Tố Hữu đã từng phát biểu: “Nghệ thuật là câu trả lời đầy thắm mĩ cho con người; thay đổi, cải thiện thế giới tinh thần của con người, nâng con người lên”. Còn Nguyên Ngọc thì khẳng định: “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. VH giáo dục con người bằng con đường từ cảm xúc đến nhận thức bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp của những hình tượng sinh động. Văn học giúp con người rèn luyện bản thân mình ngày một tốt đẹp hơn, có thái độ và lẽ sống đúng đắn.

3. Chức năng thẩm mĩ

Văn học đem đến cho con người những cảm nhận chân thực, sâu sắc và tinh tế nhất. Nghệ thuật sáng tạo trên nguyên tắc cái đẹp, vì thế không thể thoát khỏi quy luật của cái đẹp. Cụ thể:

- Văn học mang đến cho con người vẻ đẹp muôn màu của cuộc đời (vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người...)
- Miêu tả, thể hiện cái đẹp của con người từ ngoại hình đến thế giới nội tâm phong phú tinh tế bên trong.
- Cái đẹp trong văn học không chỉ thể hiện ở nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật tác phẩm : kết cấu, ngôn từ chặt chẽ, mới mẻ, độc đáo.

4. Môi quan hệ giữa các chức năng văn học

Bên cạnh việc chuyển tải nội dung thẩm mỹ, tác phẩm nghệ thuật còn tác động đến nhận thức của con người, đánh thức những tình cảm, cảm xúc, bản năng của con người, khơi dậy sức sống và niềm tin yêu, hi vọng vào thế giới ấy.

Một tác phẩm dù lớn hay nhỏ đều ẩn chứa những giá trị nhận thức riêng biệt. Một Xuân Diệu nồng nàn, tươi trẻ với những bước chân vội vàng, cuống quýt, vò vập trong tình yêu; một Huy Cận mang mang thiên cổ sầu; một Hàn Mặc Tử yêu đời, yêu cuộc sống đến tha thiết nhưng đành “bó tay nhìn thể phách và linh hồn tan rã”... Những nhà thơ Mới mỗi người một vẻ, một sắc thái nhưng đã hòa cùng dòng chảy của văn học, mang đến những cảm nhận mới lạ, tinh tế, tác động mạnh mẽ tới tri giác, đánh thức những bản năng khát yêu, khát sống trong mỗi con người.

Còn dòng văn học hiện thực lại tác động vào con người theo những hình tượng nhân vật. Một chị Dậu giàu đức hi sinh đã kiên cường đấu tranh với kẻ thống trị để bảo vệ gia đình; một Chí Phèo bước ra từ những trang văn lạnh lùng nhưng ẩn chứa nhiều đớn đau của Nam Cao; một Xuân Tóc Đỏ với bộ mặt “chó đêú” của xã hội... Tất cả đã tác động lên người đọc nhận thức đầy đủ, phong phú về xã hội. Từ đó khơi dậy ý thức đấu tranh giai cấp để giành lại quyền sống, ý thức cải tạo xã hội và ý thức về giá trị con người.

Trên hành trình kiếm tìm, vươn tới nghệ thuật, mỗi người nghệ sĩ lại tìm cho mình một định nghĩa, một chuẩn mực để đánh giá văn chương, nghệ thuật. Có người cho rằng giá trị cao nhất của văn chương là vì con người. Có người lại quý văn chương ở sự đồng điệu tri âm: “Thơ ca giúp ta đi từ chân trời một người đến với chân trời triệu người”. Còn có người lại coi văn chương nghệ thuật là “một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa

làm cho lòng người trong sạch và phong phú thêm” (Thạch Lam). Nguyên Ngọc cũng từng khẳng định: “nghệ thuật là phương thức tồn tại của con người”...

Tất cả những quan điểm các nhà nghệ sĩ đã giúp cho chúng ta nhận ra văn học là một yêu cầu thiết yếu, một nhu cầu không thể thiếu của con người. Ta tự hỏi con người sẽ sống như thế nào nếu mai kia chẳng còn văn chương? Có lẽ tâm hồn con người sẽ khô cằn, chai sạn lăm bởi văn chương cho ta được là CON NGƯỜI với hai chữ viết hoa, với đầy đủ những ý nghĩa cao đẹp.

“Văn chương giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật”. Văn chương nâng con người lên dậy, thanh lọc tâm hồn con người. Bởi vậy, hành trình đến với văn chương là hành trình kiếm tìm, vươn tới. “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. Xét đến cùng, hành trình của một tác phẩm văn chương là hướng con người đến con đường CHÂN – THIÊN – MĨ.

Một tác phẩm văn chương đích thực bao giờ cũng là sự hòa quyện của chức năng. Chức năng thẩm mỹ là đặc trưng của nghệ thuật. Chức năng giáo dục là nhiệm vụ của nghệ thuật. Chức năng nhận thức là bản chất của văn chương.

Ba chức năng của văn chương có quan hệ khăng khít và xuyên thấu vào nhau để cùng tác động vào con người. Chức năng này đồng thời biểu hiện chức năng kia và ngược lại.

IV. CON NGƯỜI TRONG VĂN HỌC

Đối tượng phản ánh của văn học chính là con người. Gorki nói: “Văn học là nhân học”. Nguyễn Minh Châu thì cho rằng: “Văn học và hiện thực là hai vòng tròn đồng tâm và tâm điểm là con người”.

Tuy vậy, cái mà văn học quan tâm, không phải chỉ đơn thuần là con người xét về phương cái văn học quan tâm chính là tư cách xã hội của con người. Marx từng nói: “Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”. Nếu ngành sinh học nghiên cứu về giải phẫu con người, nghiên cứu về tế bào con người, nói chung là nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, thì văn học nghiên cứu con người trên phương diện xã hội, qua việc đặt con người trong một bối cảnh xã hội, thông qua những mối quan hệ để

khám phá bản chất tâm hồn con người cũng như phát hiện ra những vấn đề mang tính khái quát, cấp thiết về con người, về cuộc đời.

Vậy đâu là điểm khác biệt giữa văn học với lịch sử, triết học, xã hội học, những ngành khoa học khác cũng nghiên cứu con người trên phương diện xã hội? Thời xưa từng có quan điểm “văn, sử, triết” bất phân, đúng như vậy, trong một vài thời kì, sự phân biệt giữa văn học, lịch sử, và triết học rất khó phân định. Văn học phải thể hiện đời sống, tức văn học phải gắn với lịch sử. Đỉnh của một tác phẩm văn học chính là tính tư tưởng, là bức thông điệp của nhà văn với các vấn đề về con người, cuộc đời, vậy văn học gắn với triết học.

Nhưng văn học vẫn có một đặc điểm riêng biệt: Văn học phản ánh con người trên phương diện thẩm mỹ. Một nhà phê bình từng nhận định: “Tác phẩm nghệ thuật chân chính là tác phẩm tôn vinh con người”. Dostoievski từng nói: “Cái đẹp cứu chuộc thế giới”. Sự khu biệt rõ ràng nhất giữa văn học và lịch sử, triết học chính là cái nhìn con người trên phương diện của cái đẹp.

Lịch sử loại trừ cái nhìn chủ quan, triết học chỉ quan tâm đến những vấn đề cốt lõi, còn văn học, sự phản ánh nhất thiết phải gắn với cái đẹp. Ngay cả khi miêu tả một tên trộm, một cái gì đó xấu xa, giả dối, thì văn học vẫn đi theo cây kim của la bàn mang tên cái đẹp, mục đích cuối cùng, mục đích cốt lõi của văn học vẫn là hướng con người đến cái đẹp, đến những giá trị chân thiện, mỹ. Văn học không thể không phản ánh cái xấu xa, cái giả dối, cái bất nhân, nhưng mục đích vẫn phải là để tôn vinh cái đẹp, ca ngợi cái đẹp; phê phán, tố cáo, lên án cái xấu, cái ác để người đọc thêm trân trọng cái tốt, cái đẹp.

1. Con người- đối tượng phản ánh của văn học

Thứ nhất, văn học nhận thức toàn bộ quan hệ của thế giới con người, đã đặt con người vào vị trí trung tâm của các mối quan hệ. “Văn học và hiện thực là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người” (Nguyễn Minh Châu) – tính hiện thực là thuộc tính tất yếu của văn học, chính vì vậy vòng tròn văn học và vòng tròn hiện thực phải chồng lên nhau, phải có những vùng giao nhau, và cái trục vận động của hai vòng tròn ấy, cái tâm, không gì khác chính là con người. Lấy con người làm điểm tựa miêu tả thế giới, văn nghệ có một điểm tựa để nhìn ra toàn thế giới. Văn nghệ bao giờ cũng nhìn hiện thực qua cái nhìn của con người. Con người trong đời sống văn

nghệ là trung tâm của các giá trị, trung tâm đánh giá, trung tâm kinh nghiệm của các mối quan hệ. Như vậy, miêu tả con người là phương thức miêu tả toàn thế giới. Việc biểu hiện hiện thực sâu sắc hay hời hợt, phụ thuộc vào việc nhận thức con người, am hiểu cái nhìn về con người.

Thứ hai, văn học nhận thức con người như những hiện thực tiêu biểu cho các quan hệ xã hội nhất định. Về mặt này, văn học nhận thức con người như những tính cách. Đó là những con người sống, cá thể, cảm tính, nhưng lại thể hiện rõ nét những phẩm chất có ý nghĩa xã hội, những “kiểu quan hệ xã hội”.

Thứ ba, con người mà văn học nhận thức bao giờ cũng mang một nội dung đạo đức nhất định. Cái nhìn con người ở đây của văn học, cũng khác cái nhìn của đạo đức học. Đạo đức nhận thức con người trên các quy tắc, các chuẩn mực. Văn học nhận thức con người trọn vẹn hơn. Tính cách mà văn học nắm bắt không trừu tượng như các khái niệm đạo đức, mà các phẩm chất đạo đức ấy được thể hiện cụ thể trong ý nghĩ, trong việc làm, trong lời nói, trong hành động. Các kiểu quan hệ cũng không đồng nhất với chuẩn mực, nguyên tắc xử thế của đạo đức mà hình thành từ các tình huống cụ thể trong đời sống. Văn học khám phá ý nghĩa đạo đức của các tính cách trong các tình huống éo le, phức tạp nhất trong các trường hợp không thể nhìn tính cách một cách giản đơn, bề ngoài.

Thứ tư, văn học cũng miêu tả con người trong đời sống chính trị, nhưng đó không phải là con người mang bản chất giai cấp trừu tượng. Văn học tái hiện những bản chất chính trị như là những cá tính, những tính cách. Chính ở đây, văn nghệ có thể làm sống lại cuộc sống chính trị của con người cũng như số phận con người trong cơn bão táp chính trị.

Thứ năm, cái đặc sắc nhất của văn học là sự quan tâm tới cá thể, tính cá nhân, quan tâm tới tính cách và số phận con người. Gắn liền với sự miêu tả thế giới bên trong con người; miêu tả thế giới văn hóa: văn hóa cộng đồng, văn hóa ứng xử, văn hóa sáng tạo. Trong các hình thái ý thức xã hội duy nhất có văn học là quan tâm đến sinh mệnh cá thể giữa biển đời mênh mông. Chỉ có văn học là quan tâm các lí giải các giá trị cá thể về sắc đẹp, tư chất, cá tính số phận. Con người tìm thấy ở văn học những tiền lệ về ý thức cá tính, về ý nghĩa cuộc đời, về khả năng chiến thắng số phận, về khả năng được cảm thông trong từng trường hợp.

Thứ sáu, bản chất nhân học của con người được thể hiện ở việc biểu hiện con người tự nhiên: các quy luật sinh lão bệnh tử, những vấn đề có tính chất bản năng, bản chất của con người...

Nội dung phản ánh của văn học là toàn bộ hiện thực cuộc sống đặt trong mối quan hệ với con người. Cái nghệ thuật quan tâm là mối quan hệ người kết tinh trong sự vật. Miêu tả thiên nhiên, đồ vật... đều đặt trong mối quan hệ với con người, để bộc lộ bản chất của con người. Sự phản ánh của văn học bao giờ cũng bày tỏ một quan niệm nhân sinh.

Đối tượng phản ánh không đồng nhất với nội dung phản ánh. Nội dung phản ánh là đối tượng phản ánh được gạn lọc, soi chiếu dưới lý tưởng thẩm mỹ.

2. Vấn đề về hình tượng nhân vật trong văn học

Nhà văn người Đức W. Goethe có nói: “Con người là điều thú vị nhất đối với con người, và con người cũng chủ hứng thú với con người”. Con người là nội dung quan trọng nhất của văn học. Nhân vật văn học là khái niệm dùng để chỉ hình tượng các cá thể con người trong tác phẩm văn học – cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ.

a. Khái niệm Nhân vật văn học.

Đối tượng chung của văn học là cuộc đời nhưng trong đó con người luôn giữ vị trí trung tâm. Những sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, những bức tranh thiên nhiên, những lời bình luận... đều góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho tác phẩm nhưng cái quyết định chất lượng tác phẩm văn học chính là việc xây dựng nhân vật. Đọc một tác phẩm, cái đọng lại sâu sắc nhất trong tâm hồn người đọc thường là số phận, tình cảm, cảm xúc, suy tư của những con người được nhà văn thể hiện. Vì vậy, Tô Hoài đã có lí khi cho rằng “Nhân vật là nơi duy nhất tập trung hết thảy, giải quyết hết thảy trong một sáng tác”

“Văn học là nhân học” (M. Gorki). Văn học bao giờ cũng thể hiện cuộc sống của con người. Nói đến nhân vật văn học là nói đến con người được nhà văn miêu tả thể hiện trong tác phẩm, bằng phương tiện văn học. Nhân vật văn học có khi là những con người có họ tên như: Từ Hải, Thúy Kiều, Lục Vân Tiên, Chị Dậu, anh Pha, ... Khi là những người không họ không tên như: tên lính lệ, người hầu gái, một số nhân vật xưng “tôi” trong các

truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình – ta trong ca dao. Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi trên hai phương diện: số lượng và chất lượng. Về số lượng, hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng, dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỷ, đồ vật, ... nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của con người. Nhân vật trong văn học có khi là một loài vật, một đồ vật hoặc một hiện tượng nào đó của thế giới tự nhiên, mang ý nghĩa biểu trưng cho số phận, cho tư tưởng, tình cảm của con người. Có thể nói nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực.

Miêu tả con người, chính là việc xây dựng nhân vật của nhà văn. Ở đây, cần chú ý rằng nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, đó không là sự sao chép đầy mọi chi tiết biểu hiện của con người mà chỉ là sự thể hiện con người qua những đặc điểm điển hình về tiểu sử, nghề nghiệp, tính cách. Nói đến văn học thì không thể thiếu nhân vật, vì đó chính là phương tiện cơ bản để nhà văn khái quát hiện thực một cách hình tượng.

Nhà văn sáng tạo nhân vật để thể hiện nhận thức của mình về một cá nhân nào đó, về một loại người nào đó, về một vấn đề nào đó của hiện thực. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

Có thể nói, “nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực. Chức năng của nhân vật là khái quát những quy luật của cuộc sống và của con người, thể hiện những hiểu biết, những ước mơ, kì vọng về đời sống”. Các vị thần như thần Trụ